

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 11 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ .

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Bá Tòng và ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (điểm cầu trung tâm) và tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 06/3/2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 03/2024/HSST-TB ngày 11/3/2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 04/2024/HSST-TB ngày 27/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Lê C, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1999 tại Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn C1 (chết) và bà: Lê Thị T, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 21/6/2017, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp phạt ngày 16/11/2018; Ngày 26/02/2019, bị Toà án nhân dân huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 03/8/2020; Ngày 30/11/2023, bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 04/3/2024 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính số tiền 1.5000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 12/3/2024, bị

Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt.

2. Đặng Thế N (tên gọi khác: Út M), sinh ngày 28 tháng 02 năm 1991 tại Phú Yên; Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn M1, sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị Bạch N1, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/6/2022 bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, nộp phạt ngày 09/6/2022; Ngày 04/5/2024 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản và Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 08/4/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt

*** Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972; có mặt

2. Bà Lê Thị Bích H1, sinh năm 1977; vắng mặt

Cùng cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1962; có đơn xin vắng mặt

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1968; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Văn Thị T1, sinh năm 1979; có đơn xin vắng mặt

Nơi ĐKKHTT: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Phạm L, sinh năm 1972; vắng mặt

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1938; vắng mặt

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 29/8/2023, Nguyễn Lê C điện thoại rủ Đặng Thế N trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, N đồng ý. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô, biển số 78 G1-005.48 (do ông Nguyễn C1, cha ruột C đứng tên sở hữu) đến khu phố D phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên đón N. C đưa xe cho N điều khiển chở C đến thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, tìm trại nuôi tôm không có người trông coi lấy trộm tài sản. Nguyễn và C phát hiện trại nuôi tôm của ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Bích H1 không có người.

Nguyên vào trại lấy trộm 01 hộp nhôm số, C vào trại lấy trộm 01 hộp nhôm số. Sau đó, N điều khiển xe chở C đến khu vực tái định cư thuộc thôn P, xã H, thị xã Đ cất giấu 02 hộp nhôm số. Sau đó, C và N quay lại thôn P phát hiện trại nuôi tôm của ông Phạm Văn Q không có người, N đứng ngoài cảnh giới, C vào cạy phá cửa, lấy trộm 01 mô tơ điện. Rồi, N điều khiển xe chở C đến vị trí cất giấu 02 hộp nhôm số, lấy 02 hộp nhôm số và 01 mô tơ điện đã trộm được đem bán cho Văn Thị T1 với số tiền là 1.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐDGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản T: 02 hộp nhôm số dùng để quay quạt oxy cho tôm có giá trị 2.000.000 đồng, 01 mô tơ điện 3 pha loại 5 ngựa (đã bị hư hỏng) có giá trị là 400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.400.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 02 hộp nhôm số, 01 xe mô tô biển số 78G1-005.48 đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự: theo các lời khai tại hồ sơ, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSDH ngày 06/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà truy tố bị cáo Nguyễn Lê C, Đặng Thế N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo N tự nguyện bồi thường cho bị hại vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại ông Q số tiền 200.000 đồng.

Bị hại ông Nguyễn Thanh H đồng ý nhận số tiền mà bị cáo C đã nộp bồi thường cho vợ chồng ông tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà và đồng ý bị cáo N bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 1.000.000 đồng; ông không yêu cầu gì thêm về dân sự; về hình phạt ông H đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T2 khai: xe mô tô mà các bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản là của chồng bà T2 đứng tên chủ sở hữu nhưng chồng bà T2 đã chết nên hiện nay bà T2 là người quản lý sử dụng chiếc xe này. Ngày 29/8/2023, bà T2 không biết việc C dùng xe đi trộm cắp tài sản. Hiện nay, bà T2 đã nhận lại xe. Số tiền bà T2 thay bị cáo C nộp bồi thường cho các bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà là của bà, bà không yêu cầu bị cáo C trả lại, bà không có yêu cầu gì về dân sự.

Bị hại ông Phạm Văn Q có đơn xin vắng mặt, trình bày về dân sự: muốn nhận lại mô tơ điện bị mất trị giá 400.000 đồng; về hình phạt: không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Văn Thị T1 có đơn xin vắng mặt, trình bày không có yêu cầu gì về dân sự.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, các bị cáo Nguyễn Lê C, Đặng Thế N đã phạm tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê C từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thế N từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng vụ án: các vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo N bồi thường cho vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 1.000.000 đồng, ông Q 200.000 đồng; tuyên trả số tiền mà bị cáo C đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà cho các bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt, để có cơ hội sửa chữa, lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại không khiếu nại gì đối với các quyết định, văn bản tố tụng ở giai đoạn điều tra nên đều là chứng cứ hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, các bị cáo Nguyễn Lê C, Đặng Thế N đã có hành vi trộm cắp 02 hộp nhôm số của ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Bích H1 trị giá 2.000.000 đồng; 01 mô tơ điện của ông Phạm Văn Q trị giá 400.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.400.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Lê C, Đặng Thế N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo C: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị xử phạt hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, không cải tạo, sửa chữa bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội. Trong thời

gian đang bị điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng trái phép chất ma túy bị xử phạt hành chính, phạm tội mới bị xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản là thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động, nhờ mẹ của bị cáo nộp bồi thường cho bị hại ông H, bà H1 số tiền 1.000.000 đồng, ông Q số tiền 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

- Đối với bị cáo N: bị cáo có nhân thân xấu, vào năm 2022 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Trong thời gian đang bị điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị xử phạt hành chính, hiện nay đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về hành vi trộm cắp tài sản là thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[4] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ sức khỏe, trong độ tuổi lao động nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng hợp pháp mà các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công và cấu kết chặt chẽ với nhau, trong đó bị cáo C có vai trò là người rủ rờ và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp không số, 01 mô tơ điện; bị cáo N có vai trò canh giới, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp không số. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mức hình phạt các bị cáo tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, trong đó cần xử phạt bị cáo C mức án nghiêm khắc hơn bị cáo N nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với nhân thân, mức độ và hậu quả đối với hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: các vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về dân sự: bị hại ông Q có đơn xin vắng mặt, trình bày muốn nhận lại mô tơ điện bị mất trị giá 400.000 đồng. Nhưng mô tơ điện ông Q bị mất không thu hồi được nên không thể trả lại cho ông Q, các bị cáo bồi thường cho ông Q số tiền 400.000 đồng là phù hợp. Bị cáo N tự nguyện bồi thường cho bị hại vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại ông Q số tiền 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo C đã nộp bồi thường cho bị hại ông H, bà H1 số tiền 1.000.000 đồng, ông Q số tiền 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà nên tuyên trả cho các bị hại số tiền này. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bà Lê Thị T không có lỗi trong việc giao phương tiện cho C, N sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trả lại xe mô tô 78G1-005.48 cho bà T là đúng quy định pháp luật. Đối với bà Văn Thị T1 đã mua 02 hộp nhông số và 01 mô tơ điện từ các bị cáo C, N nhưng bà T1 không biết 02 hộp nhông số và 01 mô tơ điện do các bị cáo C, N phạm tội trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà T1 là đúng quy định pháp luật.

[8] Quá trình điều tra ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Bích H1 khai ngoài 02 hộp nhông số thì ông H, bà H1 còn bị mất 06 mô tơ điện, 01 hộp nhông số, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Lê C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thế N;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo;

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Lê C, Đặng Thế N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Lê C 01 (một) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo **Đặng Thế N 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Bị cáo Đặng Thế N phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Bích H1 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); bồi thường cho ông Phạm Văn Q 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trả cho ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Bích H1 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do bị cáo C nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa tại Biên lai thu tiền số 0001506 ngày 05/4/2024. Trả cho ông Phạm Văn Q 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) do bị cáo C nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa tại Biên lai thu tiền số 0001505 ngày 05/4/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Lê C, Đặng Thế N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đặng Thế N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Công an thị xã Đông Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp;.
- Lưu HS.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Tứ

